

# DOCAT

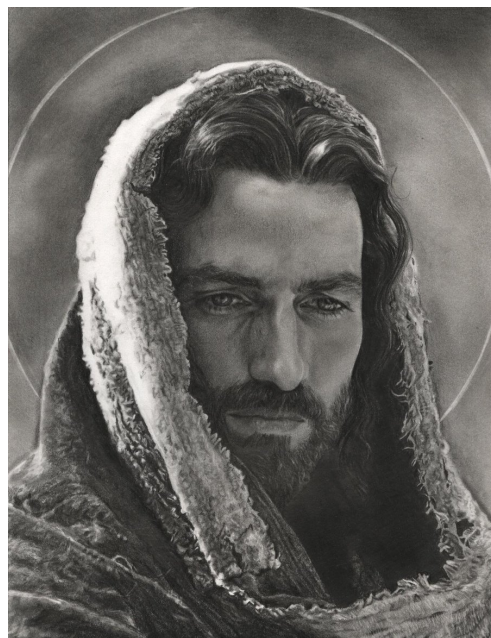
## MỖI TUẦN HỌC HỎI MỘT ĐỀ TÀI

### TUẦN 13

#### Thiên Chúa mạc khải chính mình như thế nào nơi Đức Giêsu Nazareth?

Trong câu hỏi số 10, chúng ta đã cùng nhau học hỏi về cách thức Thiên Chúa mạc khải chính mình cho con người trước Đức Giêsu Kitô. Để hiểu rõ hơn vấn nạn của tuần này qua việc nối kết với đề tài số 10, chúng ta dùng lời của Công Đồng Vaticanô II để tóm tắt mạc khải của Thiên Chúa cho con người trước Đức Giêsu Kitô mà chúng ta đã trình bày trong câu hỏi số 10 như sau:

Thiên Chúa, Đấng tạo dựng và bảo tồn mọi sự nhờ Ngôi Lời (x. Ga 1:3), không ngừng làm chứng về Mình trước mặt loài người qua các tạo vật (x. Rm 1:19-20). Và vì muốn mở đường cứu rỗi cao trọng, nên từ đầu Ngài còn tỏ Mình ra cho tổ tông chúng ta. Sau khi tổ tông sa ngã, qua lời hứa ban ơn cứu chuộc, Ngài đã nâng đỡ họ dậy trong niềm hy vọng cứu rỗi (x. St 3:15). Ngài không ngừng săn sóc nhân loại, để ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tìm kiếm sự cứu rỗi nhờ kiên tâm làm việc thiện (x. Rm 2:6-7). Khi đến giờ đã định, Ngài gọi Abraham để qua ông, Ngài tạo lập một dân tộc lớn mạnh (x. St 12:2-3), một dân tộc mà sau thời các Tổ Phụ, Ngài đã dùng Môisen và các Tiên Tri dạy dỗ, để họ nhận biết Ngài là Chúa duy nhất, hằng sống và chân thật, là Cha quan phòng, là thẩm phán chí công, để họ trông đợi Đấng Cứu Thế được hứa ban và nhờ vậy, qua bao thế kỷ, Ngài đã dọn đường cho Phúc Âm.<sup>1</sup>



Câu hỏi 13 hôm nay tập trung vào việc mạc khải chính mình của Thiên Chúa trong Đức Giêsu Nazareth. Nếu chúng ta đọc kỹ câu hỏi, chúng ta thấy điểm chính yếu của vấn nạn là: Thiên Chúa mạc khải chính mình *như thế nào* nơi Đức Giêsu Nazareth? Câu trả lời đơn giản nhất mà chúng ta có thể tìm thấy chính là: “Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời” (Ga 3:16). Nói cách khác, cách thức Thiên Chúa mạc khải chính mình nơi Đức Giêsu Nazareth được thể hiện cách siêu việt và tuyệt đối qua mẫu nhiệm nhập thể. Qua mẫu nhiệm nhập thể, Đức Giêsu Nazareth thực hiện những điều sau: (1) “Ngôi Lời đã làm người để cứu độ chúng ta, bằng cách giao hoà chúng ta với Thiên Chúa; (2) Ngôi Lời đã làm người để chúng ta nhận biết tình yêu của Thiên Chúa; (3) Ngôi Lời đã làm người để trở thành gương mẫu thánh thiện cho chúng ta; (4) Ngôi Lời đã làm người để làm cho chúng ta được “thông phần bản tính Thiên Chúa” (2 Pr 1,4).<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Vaticanô II, Hiến Chế *Dei Verbum*, số 3.

<sup>2</sup> X. *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 456-460.

Chính vì lý do này mà chúng ta có thể khẳng định rằng: Sự mạc khải của Thiên Chúa đạt đến đỉnh cao nhất nơi Đức Giêsu Kitô. Đây là điều chúng ta đọc thấy trong câu trả lời của DOCAT:

*Sự mạc khải của Thiên Chúa đạt đến đỉnh cao nhất nơi Đức Giêsu Kitô. Tình yêu của Thiên Chúa tỏ hiện một cách siêu việt và tuyệt đối nơi Con Người – vừa là người thật, vừa là Thiên Chúa thật. Nơi Người, Ngôi Lời Thiên Chúa mặc lấy xác phàm, như Phúc Âm theo Thánh Gioan đã diễn tả. Điều có vẻ trừu tượng như Thiên Chúa là ai, và Đức Chúa gặp gỡ con người ra sao, bỗng trở nên rõ ràng, hiển nhiên đến độ có thể sờ thấy được nơi Đức Giêsu Kitô. Vì thế, Ngài nói: “Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha” (Ga 14,9). Đức Kitô giống chúng ta trong mọi sự ngoại trừ tội lỗi, do đó, Đức Giêsu là con người lý tưởng – con người theo đúng kế hoạch toàn hảo của Thiên Chúa: đó là Tình yêu. Là người Kitô hữu, nghĩa là phải cố gắng hết mức để ngày càng tiến gần hơn đến Đức Giêsu. Nhờ các phép Bí tích, chúng ta thậm chí có thể vào hẳn trong Đức Giêsu, trở thành “thân thể của Đức Kitô.”*

Trong câu trả lời của DOCAT, chúng tìm thấy ba phần căn bản sau: (1) Mạc khải của Thiên Chúa đạt đến đỉnh cao nhất nơi Đức Giêsu Kitô; (2) Tình yêu của Thiên Chúa tỏ hiện cách siêu việt và tuyệt đối nơi Đức Giêsu Kitô qua biến cố Nhập Thể; (3) Đức Giêsu Kitô là “thân tượng” của con người. Chúng ta sẽ tìm hiểu chi tiết hơn ba phần trên trong bài học hỏi tuần này.

### ***Mạc khải của Thiên Chúa đạt đến đỉnh cao nhất nơi Đức Giêsu Kitô.***

Tác giả thư gửi Do Thái viết như sau: “Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông ta qua các tiên tri; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử” (Dt 1,1-2). Công Đồng Vaticanô II trình bày về nét đặc trưng của mạc khải của Thiên Chúa nơi Đức Giêsu Kitô như sau:

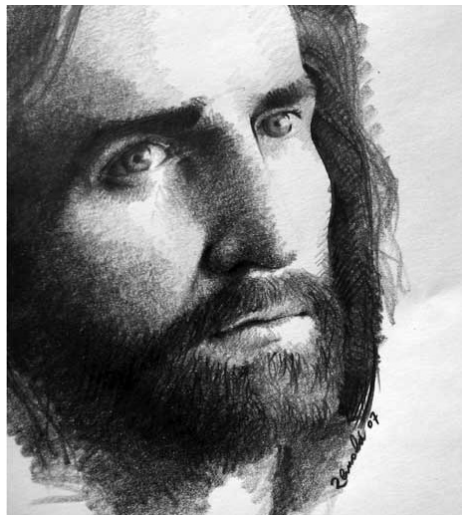
Thật vậy, Ngài đã sai Con Ngài là Ngôi Lời vĩnh cửu, Đấng sáng soi mọi người, đến sống giữa loài người và nói cho họ nghe những điều kín nhiệm nơi Thiên Chúa (x. Ga 1:1-18). Bởi vậy, Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời nhập thể “là người đã được sai đến với loài người,” “nói tiếng nói của Thiên Chúa” (Ga 3:34) và hoàn thành công trình cứu rỗi của Chúa Cha đã giao phó cho Ngài thực hiện (x. Ga 5:36; 17:4). Vì thế, chính Ngài, Đấng mà ai thấy, tức là thấy Chúa Cha (x. Ga 14:9), đã đến bỏ tức và hoàn tất mạc khải, bằng tất cả sự hiện diện và tỏ mình qua lời nói cũng như việc làm, dấu chỉ và phép lạ, nhất là qua cái chết và sự sống lại vinh quang từ kẻ chết, sau cùng bằng việc phái Thần Chân Lý đến, bằng chứng tích của một Thiên Chúa, Ngài xác nhận Thiên Chúa hằng ở với chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi bóng tối tội lỗi và sự chết, rồi phục sinh chúng ta để được sống đời đời.<sup>3</sup>



Theo kinh nghiệm sống của chúng ta, nghe trực tiếp từ một người về những gì họ đã thấy và nghe thì tốt hơn là nghe gián tiếp. Ông bà ta thường nói: Tam sao thất bản. Thánh Gioan diễn tả sự chắc chắn của mạc khải của Chúa Giêsu như sau: “Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả; nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1:18). Đỉnh cao của mạc khải của Thiên Chúa hệ tại điều này: Chúa Giêsu

<sup>3</sup> Vaticanô II, Hiến Chế *Dei Verbum*, số 4.

là “Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha” đến nói cho chúng ta “cách trực tiếp” Thiên Chúa là ai và kế hoạch của Ngài là gì. Vì vậy, Giáo Huấn của Giáo Hội khẳng định rằng: “Vây nhiệm cục Kitô giáo sẽ không bao giờ mai một, vì là giao ước mới và vĩnh cửu. Chúng ta không phải chờ đợi một mạc khải công khai mới nào khác nữa trước ngày Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta tỏ mình ra trong vinh quang.”<sup>4</sup>



Tuy nhiên, Công Đồng Vaticanô II cũng dạy rằng: “Mặc dù mạc khải đã hoàn tất [nơi Đức Giêsu Kitô], nhưng nó vẫn chưa được giải thích trọn vẹn; vì thế đức tin Kitô giáo còn phải dần dần, qua dòng thời gian, tìm hiểu tất cả sự cao siêu của mạc khải.<sup>5</sup> Chúng ta cần phân biệt ở đây hai điều: Thứ nhất là nội dung của mạc khải; (2) thứ hai là việc giải thích [hoặc hiểu cách trọn vẹn] nội dung này. Điều thứ nhất thì đã hoàn tất nơi Đức Giêsu Kitô; còn điều thứ hai thì chưa. Đây chính là vai trò của Huấn Quyền của Giáo Hội: Giải thích nội dung của mạc khải. Điều này được ẩn chứa trong câu nói của Chúa Giêsu với các môn đệ Ngài: “Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ, anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật

toàn vẹn. Người sẽ không tự mình nói điều gì, nhưng tất cả những gì Người nghe, Người sẽ nói lại, và loan báo cho anh em biết những điều sẽ xảy đến” (Ga 16:12-13). Trong bối cảnh này, chúng ta thường nói đến “mạc khải công” và “mạc khải tư.” Vì giới hạn của bài chia sẻ, chúng ta chỉ trình bày cách ngắn gọn hai loại mạc khải này.

“Mạc khải công” có thể được định nghĩa như sau: Thiên Chúa, trong sự tốt lành và khôn ngoan tuyệt đối của Ngài đã chọn mạc khải chính mình cho con người; đúng theo kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, Đức Giêsu Kitô – Thiên Chúa thật trở nên người thật [Ngôi lời nhập thể] – trong sự hợp nhất với Chúa Thánh Thần, đã hoàn toàn và tuyệt đối mạc khải Chúa Cha cho chúng ta. Mạc khải này, Thiên Chúa ban cho muôn người qua muôn thế hệ, được lưu giữ trong Kinh Thánh và Thánh Truyền. Loại mạc khải này cần thiết cho ơn cứu độ của con người. Nói cách khác, những mạc khải công tạo nên kho tàng đức tin cần thiết cho con người được cứu độ.

“Mạc khải tư” là “sứ điệp” mà Thiên Chúa ban cho một cá nhân. Chúng ta có thể kể một vài mạc khải tư sau: Sứ điệp cho Thánh Catherine thành Siena (d. 1380), Thánh Têrêsa Avila (d. 1582), Thánh Gioan Thánh Giá (d. 1591), hoặc các cuộc hiện ra của Đức Mẹ như ở Guadalupe (1531), Lộ Đức (1858), hay Fatima (1917). Khi nói đến “mạc khải tư,” chúng ta cần lưu ý những điểm sau: (1) Những mạc khải tư không thêm hoặc hoàn thành kho tàng mạc khải được tìm thấy trong Kinh Thánh và Thánh Truyền. Cho nên mạc khải tư không bao giờ được đặt ngang hàng cùng với Kinh Thánh và Thánh Truyền; (2) Tất cả các mạc khải tư phải được Huấn Quyền của Giáo Hội xem xét cách kỹ lưỡng; (3) Mạc khải tư chỉ được công nhận khi chúng không mâu thuẫn với kho tàng mạc khải của đức tin và luân lý; (4) ngay cả khi Giáo Hội đã chính thức công nhận nội dung của mạc khải riêng, chúng ta cũng không bị buộc phải tin vào mạc khải riêng. Liên quan đến mạc khải riêng, Giáo Huấn của Giáo Hội Công Giáo dạy rằng:

<sup>4</sup> Vaticanô II, Hiến Chế *Dei Verbum*, số 4.

<sup>5</sup> *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 66.

Theo dòng lịch sử, đã xuất hiện những điều gọi là “mạc khải tư”, một số trong đó được thẩm quyền Hội Thánh công nhận. Tuy vậy, những mạc khải đó không thuộc kho tàng đức tin. Chức năng của chúng không phải là “cải thiện” hoặc “bổ sung” mạc khải vĩnh viễn của Đức Kitô, nhưng để giúp người ta, vào một thời điểm lịch sử nào đó, sống mạc khải của Đức Kitô cách trọn vẹn hơn. Cảm thức đức tin của các tín hữu, dưới sự hướng dẫn của Huấn quyền Hội Thánh, có khả năng phân định và đón nhận trong các mạc khải đó những gì là lời khuyến dụ đích thực của Đức Kitô hoặc của các Thánh gởi đến cho Hội Thánh.<sup>6</sup>

Tóm lại, Giáo Huấn của Giáo Hội khẳng định rằng: “Đức tin Kitô giáo không thể tiếp nhận “những mạc khải” nào muốn vượt cao hơn hay sửa đổi mạc khải đã được hoàn tất trong Đức Kitô. Một số tôn giáo ngoài Kitô giáo và một số giáo phái được sáng lập gần đây đặt nền tảng trên ‘những mạc khải’ như thế.”<sup>7</sup> Vì vậy, chúng ta phải khôn ngoan và tỉnh thức trước những giáo huấn đi ngược lại với những điều đã được mạc khải nơi Đức Giêsu Kitô, được lưu giữ trong Kinh Thánh và Thánh Truyền.

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II khẳng định rằng: “Con người không thể sống nếu không có tình yêu. Nếu tình yêu không được tỏ lộ cho con người, nếu con người không gặp gỡ [hay đụng chạm đến tình yêu], nếu con người không cảm nghiệm hoặc sở hữu tình yêu cho chính mình, và nếu con người không chia sẻ một cách chân thật trong tình yêu, thì con người vẫn mãi là một hữu thể không thể hiểu chính mình và cuộc sống của con người mãi là vô nghĩa.”<sup>8</sup> Từ mạc khải, chúng ta biết rằng: Thiên Chúa là tình yêu (1Ga 4:8). Tình yêu của Thiên Chúa được tỏ lộ trong suốt lịch sử của nhân loại. Nhưng “đến thời sau hết,” Thiên Chúa sai Con Một của Ngài đến để mạc khải cho chúng ta tình yêu của Ngài trong một cách thức tuyệt đối vì chúng ta có thể cảm nghiệm và đụng chạm đến tình yêu của Ngài trong Người Con là Ngôi Lời nhập thể. Chúng ta sẽ đào sâu hơn tư tưởng này trong những phần học hỏi tiếp khi chúng ta nói đến giới răn mới của luật yêu thương và ơn gọi của con người là “yêu và được yêu.” Trong phần này, chúng ta chỉ ngắn gọn nói về lý do tại sao tình yêu Thiên Chúa tỏ lộ cách siêu việt và tuyệt đối nơi Đức Giêsu Kitô.



Theo kinh nghiệm sống thường ngày, chúng ta dễ dàng nhận ra chân lý này: Một người con gái sẽ không bao giờ cảm nghiệm hoặc biết được người bạn trai yêu mình nếu người bạn trai đó không có những tỏ lộ cụ thể, như nói ra hoặc tặng quà trong những dịp đặc biệt. Thật vậy, một người không thể biết người khác có yêu mình hay không khi người khác không có biểu hiện gì. Hay nói cách khác, tôi sẽ không thể làm cho bạn biết tôi yêu bạn nếu tôi chỉ “yêu bạn ở trong đầu” mà không tỏ hiện ra. Hình ảnh loại suy này một phần nào đó giúp chúng ta hiểu tại sao tình yêu của Thiên Chúa tỏ lộ cách siêu việt và tuyệt đối nơi Đức Giêsu Kitô. Vì con người là hữu thể gồm có hồn và xác, nên con người không thể biết và hiểu tình yêu là gì nếu tình yêu không đụng chạm đến cả hồn và xác của con người. Vì vậy, tình yêu chân thật phải là tình yêu bao gồm hai khía cạnh: vừa thể lý [cảm xúc], nhưng vừa thiêng liêng. Nói cách khác, khi yêu chúng ta nhắm đến yêu một con người toàn diện, cả hồn cả xác. Chính trong bối cảnh này chúng ta hiểu được lý do tại sao tình yêu Thiên Chúa đạt đến mức siêu việt và tuyệt

<sup>6</sup> Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 67.

<sup>7</sup> Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 67.

<sup>8</sup> ĐTC Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptor Hominis*, số 10.



đổi nơi Đức Giêsu Kitô vì Ngài là Thiên Chúa thật và là người thật, nên nơi Ngài, chúng ta có thể chạm đến “tình yêu thiêng liêng” của Thiên Chúa bằng chính “giác quan” của mình.

Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo dạy chúng ta điều này như sau: “Đức Kitô, Con Thiên Chúa làm người, là Lời duy nhất, hoàn hảo và cao cả nhất của Chúa Cha. Nơi Người, Thiên Chúa đã nói tất cả, và sẽ không có lời nào khác ngoài Lời đó.”<sup>9</sup> Chính Chúa Giêsu cũng đã khẳng định rằng: Tình yêu của Ngài là tình yêu cao cả nhất vì Ngài đã hy sinh mạng sống của Ngài cho các bạn hữu của Ngài [và chúng ta là bạn hữu của Ngài] (x. Ga 15:13-14). Chính tình yêu vô điều kiện và trung thành mà Chúa Giêsu đã tỏ lộ cho chúng ta làm cho Ngài trở thành “thần tượng” cho mỗi người chúng ta noi theo trong đời sống yêu thương và tha thứ.



Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II khẳng định rằng: Vì là Thiên Chúa thật và là người thật, nên chỉ một mình mới có thể mạc khải Thiên Chúa là ai và con người là ai cách trọn vẹn nhất cho chúng ta.<sup>10</sup> Như vậy, Ngài chính là “thần tượng” chúng ta muốn noi theo. Trong cuộc sống, đặc biệt những người trẻ, chúng ta tìm cho mình một thần tượng để noi theo. Chúng ta thấy nhiều quốc gia tổ chức chương trình “thần tượng.” Nhiều bạn trẻ học ở “thần tượng” của mình từ cách ăn mặc đến nói năng, từ dáng vẻ bên ngoài đến thái độ sống bên trong. Giáo Hội cũng đề nghị Chúa Giêsu cho chúng ta như một “thần tượng tuyệt vời nhất trong lịch sử nhân loại.” Liệu Ngài có cơ hội để chúng ta chọn làm “thần tượng” của chính mình không? Dưới đây, chúng ta đưa ra bốn điểm căn bản để chứng minh rằng Chúa Giêsu là “thần tượng” tuyệt hảo nhất cho chúng ta.

Thứ nhất, Đức Giêsu Kitô là Người yêu người khác với một tình yêu chân thật, vô điều kiện và trung thành. Nhiều người trong chúng ta đang đi tìm cho mình một tình yêu chân thật trong một thế giới đang khuyến khích lối sống giả tạo và loại tình yêu theo kiểu “ăn liền.” Chúa Giêsu trình bày cho chúng ta một tình yêu chân thật: Yêu cho đến cùng (x. Ga 13:1), và một tình yêu sẵn sàng hy sinh mạng sống vì bạn hữu của mình (x. Gl 15:13).

Thứ hai, Đức Giêsu Kitô là Người luôn sẵn sàng tha thứ cho những ai xúc phạm đến Ngài. Sống trong một thế giới cạnh tranh và tìm cách hủy diệt người khác vì sự sinh tồn và lợi ích cá nhân, một thế giới mà vẫn còn nhiều chia rẽ và hận thù ngay trong gia đình chúng ta, Đức Giêsu Kitô trở nên mẫu gương cho chúng ta bằng cách tha thứ cho kẻ thù của mình không chỉ bảy lần, nhưng là bảy mươi lần bảy (x. Mt 18:22). Chính Ngài đã tha thứ cho những người đóng đinh người và Ngài còn cầu xin Chúa Cha tha cho họ: Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết việc họ làm (Lc 23:34).

Thứ ba, Đức Giêsu Kitô là Người luôn sống với và cho người khác. Thế giới chúng ta đang sống là thế giới tôn vinh cái tôi, tôn vinh “chủ nghĩa cá nhân.” Chúng ta thấy tường nhà được

<sup>9</sup> Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 65.

<sup>10</sup> X. ĐTC Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptor Hominis*, số 9-10.

xây càng ngày càng cao: “Đèn nhà ai nấy sang.” Chúng ta không còn biết người hàng xóm của mình là ai. Chúng ta chỉ sống cho riêng mình. Điều này đi ngược lại với ý định của Thiên Chúa cho chúng ta. Chúng ta là những hữu thể có tính xã hội. Chúng ta cần đến nhau. Chính vì vậy, chúng ta không chỉ sống với người khác, nhưng còn sống cho người khác như Đức Giêsu Kitô, Ngài không sống cho chính mình, nhưng vì chúng ta và cho chúng ta, Ngài đã nhập thể trong lòng Đức Trinh Nữ Maria và đã làm người để cứu độ chúng ta.

Cuối cùng, Đức Giêsu Kitô là Người hiền lành và khiêm nhường trong lòng. Chúng ta luôn mong muốn làm bạn với những người thanh nhã, tế nhị và cảm thông. Những đức tính này rất cần trong cuộc sống đầy bon chen và tự khẳng định chính mình hôm nay. Chúng ta muốn hơn người khác trong mọi sự và chúng ta dễ dàng để cho những cảm xúc làm chủ chúng ta để rồi có những quyết định và hành động không chín chắn, đến khi hối hận thì đã quá muộn. Chỉ có sự hiền lành và khiêm nhường trong lòng mới có thể trở nên thanh nhã, tế nhị và cảm thông, vì sự hiền lành ở đây không phải là nhu nhược, nhưng là biết làm chủ cảm xúc, còn khiêm nhường ở đây không phải là đánh giá thấp chính mình, nhưng là đánh giá đúng chính mình. Đây chính là điều mà Chúa Giêsu mời gọi chúng ta học nơi Ngài vì “Thầy hiền lành và khiêm nhường trong lòng” (Mt 11:29).